

## PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC TỪ NGỮ CHO HỌC SINH LỚP 4-5 QUA QUÁ TRÌNH LUYỆN VIẾT ĐOẠN VĂN, BÀI VĂN

Chu Thị Thủy An<sup>1,\*</sup>, Nguyễn Thị Ngọc Ánh<sup>1</sup>, Chu Thị Lộc An<sup>2</sup>

<sup>1</sup>Trường Đại học Vinh, Nghệ An, Việt Nam

<sup>2</sup>Trường Đại học Khánh Hòa, Việt Nam

### ARTICLE INFORMATION TÓM TẮT

**Journal:** Vinh University  
Journal of Science  
Educational Science and Technology  
**p-ISSN:** 3030-4857  
**e-ISSN:** 3030-4784

**Volume:** 53

**Issue:** Special 2

**\*Correspondence:**  
anchuthithuy@gmail.com

**Received:** 19 June 2024

**Accepted:** 27 July 2024

**Published:** 20 August 2024

#### **Citation:**

Chu Thi Thuy An, Nguyen Thi  
Ngoc Anh, Chu Thi Loc An (2024).

*Developing vocabulary skills for  
students in grades 4-5 through the  
process of practicing writing  
paragraph and essays.*

**Vinh Uni. J. Sci.**

*Vol. 53, Special Issue 2, pp. 189-199*

*doi:10.56824/vujs.2024.htkhgd243*

Phát triển năng lực từ ngữ là nhiệm vụ quan trọng trong dạy học Tiếng Việt, thực hiện mục tiêu đặc thù của môn học là phát triển năng lực ngôn ngữ (đọc, viết, nghe, nói) cho học sinh. Lâu nay, nhiệm vụ này được thực hiện chủ yếu qua các bài học Mở rộng vốn từ theo chủ đề, sau đó mới là tích hợp trong các bài Tập đọc, Chính tả, Tập làm văn, Kể chuyện và các hoạt động giáo dục khác. Xuất phát từ thành tựu nghiên cứu về phương pháp dạy tiếng Việt trong hoạt động giao tiếp, chúng tôi nghiên cứu các biện pháp phát triển năng lực từ ngữ cho học sinh lớp 4-5 thông qua quá trình luyện viết đoạn văn, bài văn - quá trình sản sinh ngôn ngữ. Bằng phương pháp nghiên cứu lý thuyết, bài viết đã đề xuất hệ thống các biện pháp phát triển năng lực từ ngữ cho học sinh thông qua các giai đoạn của quá trình luyện viết: (1) Phát triển năng lực từ ngữ qua hoạt động phân tích đoạn văn, bài văn mẫu (2) Phát triển năng lực từ ngữ qua hoạt động tìm ý, phát triển ý (3) Phát triển năng lực từ ngữ qua hoạt động viết đoạn, bài (4) Phát triển năng lực từ ngữ qua hoạt động sửa chữa, hoàn thiện đoạn, bài viết. Các biện pháp này cũng đã vận dụng hiệu quả quan điểm dạy học tích hợp trong dạy học Tiếng Việt ở tiểu học.

**Từ khóa:** Phát triển; năng lực từ ngữ; luyện viết đoạn văn; bài văn.

### OPEN ACCESS 1. Giới thiệu

Copyright © 2024. This is an Open Access article distributed under the terms of the Creative Commons Attribution License (CC BY NC), which permits non-commercially to share (copy and redistribute the material in any medium) or adapt (remix, transform, and build upon the material), provided the original work is properly cited.

Năng lực từ ngữ là khả năng huy động vốn từ, kiến thức từ ngữ (bao gồm kiến thức từ vựng và ngữ pháp), kỹ năng sử dụng từ ngữ cùng với các thuộc tính về tâm lý, tình cảm... để tiếp nhận văn bản (đọc, nghe), tạo lập văn bản (viết, nói) và thực hiện có hiệu quả các tình huống giao tiếp. Năng lực từ ngữ là một thành tố của năng lực ngôn ngữ bao gồm *năng lực sử dụng chính xác hình thức của từ, năng lực nhận biết nghĩa của từ, năng lực sử dụng từ trong giao tiếp* (Hò, 2019). Các thành tố của năng lực từ ngữ có mối quan hệ mật thiết với nhau, tác động tương hỗ lẫn nhau. Vốn từ ngữ (khả năng nắm nghĩa từ) của một người càng giàu bao nhiêu thì khả năng tiếp nhận (nghe, đọc) càng tốt bấy nhiêu, kỹ năng diễn đạt (nói, viết) càng chính xác, tinh tế, sâu sắc bấy nhiêu. Chính quá trình tiếp nhận ngôn ngữ (nghe,

đọc) và sản sinh ngôn ngữ (nói, viết) đã giúp “tích cực hóa vốn từ” của mỗi người, làm cho vốn từ trở nên sinh động, sống động và phát triển phong phú thêm, không bị mai một hoặc trở thành “vốn từ chết” - vốn từ hiểu nghĩa nhưng không sử dụng trong giao tiếp (T. T. A. Chu & Chu, 2009). Bên cạnh đó, những hiểu biết về cấu tạo từ, hình thức của từ cũng giúp con người mở rộng, hệ thống hóa vốn từ, nắm nghĩa từ một cách có ý thức. Vì vậy, lý luận dạy tiếng hiện đại đề cao việc phát triển năng lực từ ngữ trong quá trình tiếp nhận và sản sinh ngôn ngữ của học sinh.

Trước đây, ở tiểu học, nhiệm vụ phát triển năng lực từ ngữ được thực hiện chủ yếu thông qua bài học *Mở rộng vốn từ theo chủ điểm* với các dạng bài tập dạy nghĩa từ, hệ thống hóa vốn từ, tích cực hóa vốn từ, văn hóa hóa vốn từ (T. T. A. Chu & Chu, 2009; Lê, 2009). Trong những năm gần đây, việc phát triển vốn từ cho học sinh thông qua các bài Đọc, Viết, Nói và Nghe được chú trọng. Các bài *Mở rộng vốn từ, Lựa chọn sử dụng từ* xuất hiện ít hơn trong các sách giáo khoa, tài liệu dạy học và chỉ với vai trò củng cố kiến thức, kỹ năng từ ngữ mà học sinh đã được hình thành (Chu & Mai, 2016; Chu, 2017).

Dạy từ ngữ thông qua hoạt động rèn luyện kỹ năng viết là một hướng tiếp cận hiện đại, có tác dụng tích cực hóa quá trình phát triển năng lực từ ngữ của học sinh và lâu nay cũng đã được đề cập trong các công trình nghiên cứu, các luận văn, luận án về dạy viết nói chung, dạy viết sáng tạo nói riêng. Tuy nhiên, vẫn còn thiếu các công trình nghiên cứu có tính hệ thống và chuyên sâu về vấn đề này. Bài viết của chúng tôi xuất phát từ định hướng này, đi sâu nghiên cứu vấn đề phát triển năng lực từ ngữ thông qua hoạt động luyện viết đoạn văn, bài văn cho đối tượng học sinh lớp 4-5.

## **2. Phương pháp nghiên cứu**

Bài viết đã sử dụng phương pháp nghiên cứu lý thuyết với các thao tác phân tích, tổng hợp, khái quát hóa, hệ thống hóa các công trình nghiên cứu có liên quan đến việc phát triển năng lực từ ngữ và quá trình rèn luyện kỹ năng viết đoạn văn, bài văn cho học sinh lớp 4-5. Từ đó, xây dựng cơ sở lý luận và đề xuất các biện pháp phát triển năng lực từ ngữ cho học sinh lớp 4-5 thông qua quá trình luyện tập viết đoạn văn, bài văn.

## **3. Kết quả nghiên cứu**

Như đã đề cập ở trên, năng lực từ ngữ là một thành tố cấu thành năng lực ngôn ngữ (đọc, nghe, viết, nói), bao gồm: năng lực sử dụng chính xác hình thức của từ, năng lực nhận biết nghĩa của từ, năng lực sử dụng từ trong giao tiếp. Năng lực từ ngữ được hình thành, phát triển hiệu quả nhất là trong quá trình giao tiếp bằng ngôn ngữ của con người. Phát triển năng lực từ ngữ tích hợp trong hoạt động viết đoạn văn, bài văn cần phải đáp ứng yêu cầu cần đạt cả về năng lực từ ngữ và năng lực viết đoạn văn, bài văn của chương trình Tiếng Việt lớp 4-5.

### **3.1. Yêu cầu cần đạt về năng lực từ ngữ và năng lực viết đoạn văn, bài văn**

Bài viết đã thống kê, phân tích các yêu cầu cần đạt về năng lực từ ngữ và năng lực viết đoạn văn, bài văn trong chương trình Tiếng Việt lớp 4-5 làm cơ sở đề xuất các biện pháp phát triển năng lực từ ngữ cho học sinh thông qua hoạt động viết (Bảng 1). Yêu cầu cần đạt về năng lực từ ngữ của học sinh lớp 4-5 bao gồm các biểu hiện: hiểu nghĩa từ ngữ (mở rộng vốn từ theo chủ điểm, nghĩa thành ngữ, nghĩa yếu tố Hán Việt thông dụng, cách

tra từ điển); về lựa chọn sử dụng từ ngữ trong biểu đạt; kiến thức về từ ngữ (từ đa nghĩa, từ đồng nghĩa, từ đồng âm).

**Bảng 1:** Yêu cầu cần đạt về năng lực từ ngữ và năng lực viết đoạn văn, bài văn của học sinh

Lớp	Yêu cầu cần đạt
4	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Vốn từ theo chủ điểm.</li> <li>- Công dụng của từ điển, cách tìm từ và nghĩa của từ trong từ điển</li> <li>- Nghĩa của một số thành ngữ dễ hiểu.</li> <li>- Nghĩa của một số yếu tố Hán Việt thông dụng.</li> <li>- Tác dụng của việc lựa chọn từ ngữ trong việc biểu đạt nghĩa.</li> </ul>
5	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Vốn từ theo chủ điểm.</li> <li>- Từ điển: cách tìm từ, nghĩa của từ, cách dùng từ và tra cứu thông tin khác.</li> <li>- Nghĩa của một số thành ngữ dễ hiểu, thông dụng.</li> <li>- Nghĩa của một số yếu tố Hán Việt thông dụng, “đồng âm khác nghĩa”.</li> <li>- Từ đồng nghĩa: đặc điểm và tác dụng.</li> <li>- Từ đa nghĩa và nghĩa của từ đa nghĩa trong văn bản.</li> </ul>

Nội dung luyện viết đoạn văn, bài văn của học sinh lớp 4-5 được cụ thể hóa thành hai yêu cầu: (1) Yêu cầu về quy trình viết và (2) Yêu cầu về thực hành viết. Cụ thể như ở Bảng 2.

**Bảng 2:** Nội dung luyện viết đoạn văn, bài văn của học sinh lớp 4-5

Lớp	Yêu cầu cần đạt	
	Quy trình viết	Thực hành viết
4	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Biết viết theo các bước: xác định nội dung viết (viết về cái gì); quan sát và tìm tư liệu để viết; hình thành ý chính cho đoạn, bài viết; viết đoạn, bài; chỉnh sửa (bố cục, dùng từ, đặt câu, chính tả).</li> <li>- Viết đoạn văn, bài văn thể hiện chủ đề, ý tưởng chính; phù hợp với yêu cầu về kiểu, loại văn bản; có mở đầu, triển khai, kết thúc; các câu, đoạn có mối liên kết với nhau</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Viết được bài văn thuật lại một sự việc đã chứng kiến (nhìn, xem) hoặc tham gia và chia sẻ suy nghĩ, tình cảm của mình về sự việc đó.</li> <li>- Viết được bài văn kể lại câu chuyện đã đọc, đã nghe hoặc viết đoạn văn tưởng tượng dựa vào câu chuyện đã đọc, đã nghe.</li> <li>- Viết được bài văn miêu tả con vật, cây cối; sử dụng nhân hoá và những từ ngữ gợi lên đặc điểm nổi bật của đối tượng được tả.</li> <li>- Viết được đoạn văn nêu tình cảm, cảm xúc của bản thân về một nhân vật trong văn học hoặc một người gần gũi, thân thiết.</li> <li>- Viết được đoạn văn ngắn nêu lý do thích câu chuyện đã đọc hoặc đã nghe.</li> <li>- Viết được văn bản ngắn hướng dẫn các bước thực hiện một công việc hoặc làm, sử dụng một sản phẩm gồm 2-3 bước.</li> <li>- Viết được báo cáo thảo luận nhóm, đơn theo mẫu, thư cho người thân, bạn bè.</li> </ul>

Lớp	Yêu cầu cần đạt	
	Quy trình viết	Thực hành viết
5	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Biết viết theo các bước: xác định mục đích và nội dung viết (viết để làm gì, về cái gì); quan sát và tìm tư liệu để viết; hình thành ý chính, lập dàn ý cho bài viết; viết đoạn, bài; chỉnh sửa (bố cục, dùng từ, đặt câu, chính tả).</li> <li>- Viết được đoạn văn, văn bản thể hiện rõ ràng và mạch lạc chủ đề, thông tin chính; phù hợp với yêu cầu về kiểu, loại; có mở đầu, triển khai, kết thúc; các câu, đoạn liên kết với nhau.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Viết được bài văn kể lại câu chuyện đã đọc, đã nghe với những chi tiết sáng tạo.</li> <li>- Viết được bài tả người, phong cảnh có sử dụng so sánh, nhân hoá và những từ ngữ gợi tả để làm nổi bật đặc điểm của đối tượng được tả.</li> <li>- Viết được đoạn văn thể hiện tình cảm, cảm xúc của bản thân trước một sự việc hoặc một bài thơ, câu chuyện.</li> <li>- Viết được đoạn văn nêu lý do tán thành/phản đối về một hiện tượng, sự việc có ý nghĩa trong cuộc sống.</li> <li>- Viết được đoạn văn giới thiệu về một nhân vật trong một cuốn sách hoặc bộ phim hoạt hình đã xem (hình dáng, cử chỉ, hành động, ngôn ngữ).</li> <li>- Viết được báo cáo công việc, chương trình hoạt động, có sử dụng bảng biểu</li> </ul>

### 3.3. Biện pháp phát triển năng lực từ ngữ cho học sinh thông qua quá trình luyện viết đoạn văn, bài văn

Việc đề xuất các biện pháp phát triển năng lực từ ngữ cho học sinh lớp 4-5 phải tuân thủ các định hướng cơ bản sau đây:

- *Bám sát mục tiêu chương trình Tiếng Việt tiểu học:* Việc đề xuất các biện pháp luôn phải bám sát mục tiêu phát triển phẩm chất và năng lực của chương trình Tiếng Việt. Đặc biệt là bám sát yêu cầu cần đạt của môn Tiếng Việt lớp 4-5 về năng lực từ ngữ và năng lực viết đoạn văn, bài văn như đã thống kê, phân tích ở trên.

- *Đảm bảo nguyên tắc tích hợp:* Các biện pháp phát triển năng lực từ ngữ thông qua hoạt động viết phải là biện pháp dạy học tích hợp: tích hợp mở rộng vốn từ với sử dụng từ; tích hợp kỹ năng nắm nghĩa từ, dùng từ đặt câu với kỹ năng liên kết câu thành đoạn văn, bài văn. Đồng thời, thể hiện rõ tính tích hợp giữa phát triển năng lực ngôn ngữ với năng lực văn học. Vốn từ ngữ, khả năng sử dụng từ ngữ của học sinh hình thành được phần lớn là từ ngữ thuộc phong cách ngôn ngữ nghệ thuật vì các đoạn văn, bài văn học sinh thực hành viết chủ yếu thuộc thể loại văn miêu tả và văn kể chuyện.

- *Đảm bảo phát huy tính tích cực, sáng tạo:* Để đảm bảo phát triển năng lực từ ngữ trong quá trình luyện viết đoạn văn, bài văn, các biện pháp thực hiện phải chú trọng phát huy tính tích cực, sáng tạo trong học tập của học sinh. Đối với bài tập phát triển năng lực từ ngữ, từ khâu lựa chọn ngữ liệu đến khâu thiết kế lệnh bài tập và tổ chức thực hiện đều phải chú ý đến việc tạo sự chủ động, tích cực cho học sinh; kích thích sự sáng tạo, linh hoạt trong phân tích ngữ liệu, hiểu nghĩa từ, học tập cách sử dụng từ ngữ, lựa chọn từ ngữ trong biểu đạt... Năng lực từ ngữ của học sinh sẽ được phát triển ở trình độ cao nếu các em được hiểu nghĩa, cảm nhận cái hay, cái đẹp và sử dụng từ ngữ biểu đạt ở phong cách văn chương, đề cao sự sáng tạo, tinh tế của người biểu đạt và tiếp nhận.

Xuất phát từ các định hướng trên, chúng tôi xây dựng hệ thống biện pháp phát triển vốn từ cho học sinh lớp 4-5 thông qua 4 giai đoạn của quy trình luyện tập viết đoạn văn, bài văn, bao gồm:

**Biện pháp 1: Phát triển năng lực từ ngữ thông qua phân tích đoạn văn, bài văn mẫu**

Trong dạy viết đoạn văn, bài văn, “văn mẫu” có vai trò quan trọng và có hiệu quả tốt trong việc rèn luyện kỹ năng viết cho học sinh. Tuy nhiên, cần chú ý đến “chất lượng” của đoạn văn, bài văn mẫu, thời điểm sử dụng và cách thức sử dụng.

Hiện nay, trong các bộ sách giáo khoa Tiếng Việt chương trình 2018, ngữ liệu (đoạn văn, bài văn) được sử dụng ở phần *Nhận xét, Luyện tập* của bài lý thuyết, ở các bài tập của bài thực hành kỹ năng viết đều được xem là văn mẫu. Trong các sách tham khảo, hỗ trợ cho giáo viên và học sinh, đoạn văn, bài văn mẫu cũng xuất hiện rất nhiều. Đó có thể là ngữ liệu được đưa ra làm mẫu về cấu tạo đoạn văn, bài văn, có thể là ngữ liệu mẫu về cách quan sát, trình tự miêu tả, kể chuyện, cũng có thể là ngữ liệu mẫu về cách sử dụng từ ngữ, biện pháp tu từ, sử dụng dấu câu... Học tập cách sử dụng từ ngữ, biện pháp tu từ, cách thức biểu đạt, diễn đạt, thuyết phục người đọc, cách thức biến đổi cấu trúc cú pháp, sử dụng từ ngữ liên kết, phương thức liên kết... của người viết trong đoạn văn, bài văn mẫu đó chính là một biện pháp phát triển năng lực từ ngữ của bản thân.

Phát triển năng lực từ ngữ thông qua đọc hiểu và phân tích các đoạn văn, bài văn (mẫu) là một biện pháp hiệu quả trong việc phát triển năng lực từ ngữ cho học sinh lớp 4-5. Tuy vậy, để vốn từ ngữ được hình thành một cách hệ thống, tạo nên tính thường trực của từ, giúp học sinh vận dụng từ ngữ vào nói, viết nhanh, biểu đạt tinh tế và có sức thuyết phục, các bài tập dạng này cần có sự định hướng lập luận ngay trong các câu lệnh. Như vậy, mới có thể rèn luyện cho học sinh thói quen và phương pháp tìm từ ngữ có sắc thái ý nghĩa phù hợp và sắp xếp từ ngữ một cách có chủ đích, hướng đến mục tiêu thuyết phục người đọc.

Từ ngữ được mở rộng, phát triển theo biện pháp này không phải là những từ rời mà là những từ hoặc cụm từ được đặt trong ngữ cảnh, gắn với mục đích giao tiếp, mục đích thuyết phục cụ thể, bộc lộ tình cảm, cảm xúc cụ thể. Chẳng hạn, có thể mở rộng vốn từ miêu tả nhân vật thông qua bài tập phân tích mẫu và thực hiện theo mẫu là một đoạn văn tả người.

**Ví dụ 1:** Em hãy đọc đoạn văn sau: “*A Chàng mười tám tuổi, ngực nở vòng cung, da đỏ như lim, bắp tay, bắp chân rắn như trắc, gụ. Vóc cao, vai rộng người đứng thẳng như cái cột đá trời trồng... Hai tay A Chàng nắm đốc cày, mắt nhìn thể ruộng, nhìn đường cày, thân hình nhoài thành một đường cong mềm mại, khi qua trái, lúc tạt phải theo đường cày uốn vòng trên hình ruộng bậc thang như một mảnh trăng lưỡi liềm. Lại có lúc được sá cày thẳng, người anh như rạp hẳn xuống, đôi chân xoải dài hoặc bẫm những bước ngắn, gáp gáp*” (Nguyễn, 2024).

a) Hãy ghi lại những từ ngữ, chi tiết trong đoạn văn cho thấy *Hạng A Chàng là một thanh niên khỏe mạnh*.

b) Theo cách làm như đoạn văn trên, hãy tìm các từ ngữ, chi tiết miêu tả một bạn gái để người đọc thấy đó là *một bạn gái nhỏ nhắn, dễ thương*.

Với yêu cầu a, học sinh mở rộng được vốn từ ngữ, học tập được cách sử dụng các từ miêu tả hình dáng và hoạt động của một thanh niên khỏe mạnh: Từ ngữ tả hình dáng: *ngực nở vòng cung, da đỏ như lim, bắp tay, bắp chân rắn như trắc, gụ; vóc cao, vai rộng, đứng thẳng như cái cột đá trời trồng*. Từ ngữ tả hoạt động: *tay nắm đốc cày, mắt nhìn thể ruộng; thân hình nhoài thành một đường cong mềm mại, uốn vòng trên hình ruộng bậc thang; chân xoải dài hoặc bẫm những bước ngắn, gáp gáp*.

Với yêu cầu b, học sinh có thể liệt kê được các từ ngữ: *thân hình mảnh dẻ, khuôn mặt trái xoan, nước da trắng hồng, đôi mắt màu nâu, tinh tình hiền lành, giọng cười trong trẻo; hay nhường đồ dùng học tập cho các bạn...*

Điều quan trọng nhất là những từ ngữ này được học sinh tìm và sắp xếp theo một định hướng nghĩa là cụ thể “miêu tả một thanh niên khỏe mạnh” hay “một bé gái nhỏ nhắn dễ thương”. Tức là các từ ngữ được hình thành gắn với một mục đích giao tiếp, lập luận cụ thể giúp phát triển “năng lực từ ngữ” thực sự của học sinh.

**Ví dụ 2:** Tìm những từ ngữ, chi tiết tiêu biểu cho từng thời điểm của buổi sáng mùa hè trong thung lũng thể hiện sự quan sát tinh tế của tác giả: *Rừng núi còn chìm trong màn đêm. Trong bầu không khí đầy hơi ẩm và lạnh lạnh, mọi người đang ngon giấc trong những chiếc chăn đơn. Bỗng một con gà trống vỗ cánh phành phạch và cất tiếng gáy lanh lạnh ở đầu bản. Tiếp đó, rải rác khắp thung lũng, tiếng gà gáy râm rân. Trên mấy cây cao cạnh nhà, ve kêu ra rả. Đó đây, ánh lửa hồng bập bùng trên các bếp. Bản làng đã thức giấc.*

*Tầng sáng, vòm trời cao xanh mênh mông. Gió từ trên đỉnh núi tràn xuống thung lũng mát rượi. Khoảng trời sau dãy núi phía đông ửng đỏ. Những tia nắng đầu tiên hắt chéo qua thung lũng, trải lên đỉnh núi phía tây những vệt sáng màu lá mạ tươi tắn. Nắng vàng lan nhanh xuống chân núi rồi rải vội lên đồng lúa. Bà con xã viên đổ ra đồng làm mùa, gặt chiêm.*

*Mặt trời nhô dần lên cao. Ánh nắng mỗi lúc một gay gắt. Dọc theo những con đường mới đắp, vượt qua những chiếc cầu gỗ bắc qua con suối, từng tốp nam nữ thanh niên, thoăn thoắt gánh lúa về sân phơi. Tiếng cười giòn tan vọng vào vách đá (Nguyễn, 2024).*

Đoạn văn này không chỉ là “mẫu” về cách miêu tả phong cảnh theo trình tự thời gian mà còn giúp học sinh làm giàu vốn từ ngữ về chủ đề cảnh buổi sáng mùa hè trong thung lũng. Đặc biệt hơn là học sinh học tập được cách quan sát tinh tế và sử dụng từ ngữ miêu tả khéo léo, tài tình của tác giả.

Thời điểm trời chưa sáng hẳn, học sinh biết cách sử dụng các từ ngữ: *chìm trong màn đêm, hơi ẩm, lạnh lạnh, ngon giấc; tiếng vỗ cánh phành phạch, tiếng gà gáy lanh lạnh, tiếng gà gáy râm rân, ve kêu ra rả, ánh lửa bập bùng, bản làng thức giấc...* Thời điểm tầng sáng, vòm trời cao xanh mênh mông, gió tràn xuống thung lũng, trời ửng đỏ, nắng hắt chéo qua thung lũng, trải lên đỉnh núi vệt sáng màu lá mạ, nắng vàng rải vội lên đồng lúa... Thời điểm mặt trời đã lên cao, ánh nắng gay gắt, nam nữ thanh niên thoăn thoắt gánh lúa, tiếng cười giòn tan...

Những bài tập này không chỉ hình thành cho học sinh vốn từ ngữ mới mà thực chất là giúp học sinh biết sử dụng từ ngữ với sắc thái ngữ nghĩa phù hợp ngữ cảnh, kết hợp từ ngữ một cách tinh tế để thể hiện những điều quan sát được. Năng lực từ ngữ được hình thành ở đây là năng lực lựa chọn và sử dụng từ.

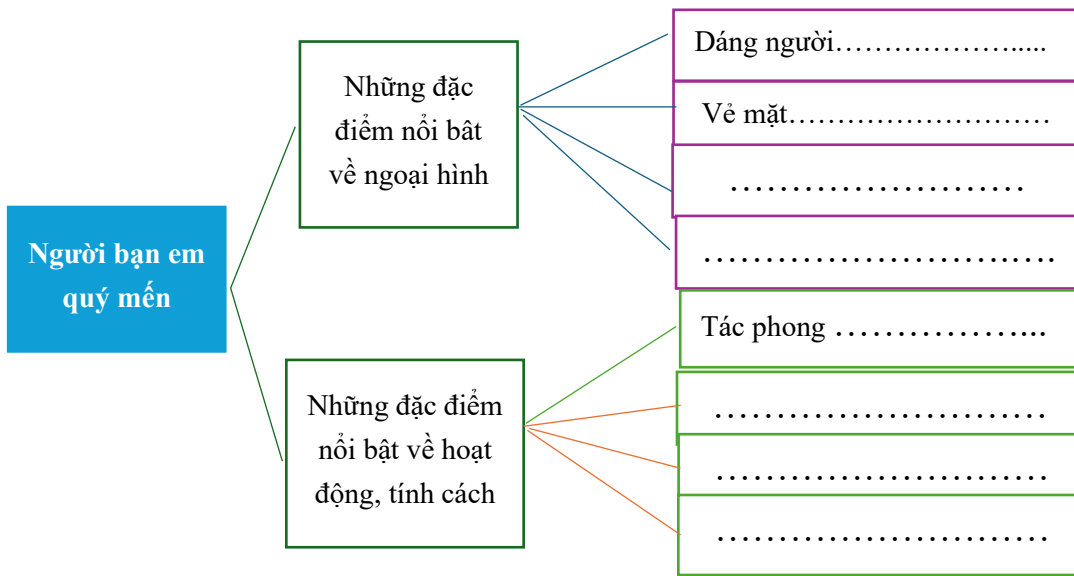
### **Biện pháp 2: Phát triển năng lực từ ngữ thông qua hoạt động tìm ý, phát triển ý**

Tìm ý, sử dụng từ ngữ để ghi nhận các ý tìm được cho bài văn là hai hoạt động diễn ra đồng thời. Bởi ngôn ngữ là công cụ để tư duy, những điều học sinh suy nghĩ được đều phải ghi lại bằng từ ngữ. Hiện nay, ở các tiết tìm ý, giáo viên có thể hướng dẫn học sinh sử dụng kỹ thuật sơ đồ tư duy để tìm và phát triển ý cho bài văn. Với kỹ thuật này, học sinh sẽ phải viết ra hàng loạt các từ khóa, kết nối các từ khóa có quan hệ gần nhất với nhau, lựa chọn, bỏ bớt những từ khóa không phù hợp hoặc không cần thiết, sắp xếp các từ khóa theo thứ bậc từ ý lớn đến ý nhỏ. Quá trình tìm ý, phát triển ý, sắp xếp ý này chính là

quá trình mở rộng vốn từ, phân loại và quản lý vốn từ trong hoạt động sản sinh văn bản viết. Vốn từ được hình thành theo một mục tiêu giao tiếp cụ thể theo yêu cầu đề bài, được sắp xếp theo trật tự logic, phục vụ cho mục đích biểu đạt cụ thể, sinh động. Vì vậy, vốn từ ngữ này nhất định sẽ là vốn từ ngữ tích cực, sẽ được học sinh sử dụng ngay trong bài viết và dễ dàng vận dụng trong các hoạt động viết tiếp theo. Hoạt động phát triển vốn từ ngữ này khác hẳn việc phát triển vốn từ bằng các bài tập tìm từ, phân loại từ trong các bài *Mở rộng vốn từ theo chủ đề* - không gắn với ngữ cảnh và mục đích giao tiếp cụ thể. Do vậy, học sinh mở rộng và sắp xếp được vốn từ nhưng có thể quên đi rất nhanh và cũng có thể không bao giờ sử dụng những từ này trong khi viết, nói.

**Ví dụ:** Tìm ý và lập dàn ý cho bài văn tả một người bạn mà em quý mến.

**Gợi ý:** Em hãy quan sát bạn và hoàn thành sơ đồ tư duy sau:



Trong quá trình học sinh viết ra các từ khóa và lựa chọn các từ khóa phù hợp, giáo viên cần hướng dẫn học sinh căn cứ vào đối tượng miêu tả và thái độ, tình cảm, sự đánh giá muốn thể hiện để lựa chọn, sử dụng từ ngữ miêu tả chính xác, tinh tế. Như vậy, bài viết mới có lập luận chặt chẽ, đối tượng miêu tả hiện lên sinh động, có nét riêng, độc đáo, thể hiện sự sáng tạo cá nhân.

- Về ngoại hình con người có hàng loạt từ ngữ miêu tả khác nhau: *cao, thấp, gầy, béo, dong dỏng, mảnh dẻ, mảnh mai, thon thả, trắng trẻo, hồng hào, gầy gò, vạm vỡ...* hướng đến những kết luận khác nhau về ngoại hình của đối tượng miêu tả.

- Về ngoại hình một bà cụ: *da đồi mồi, lưng còng, tóc bạc, miệng móm mém nhai trầu, tay chống gậy, từng bước khó nhọc, lom khom...* hướng đến kết luận đã già, yếu hoặc *lưng vẫn thẳng, da dẻ vẫn hồng hào, tóc chưa bạc, tay thon thả...* hướng đến kết luận vẫn khỏe mạnh, nhanh nhẹn.

- Về ngoại hình một em bé: *bụ bẫm, má căng tròn, chân tay mập mạp, tóc đen...* hướng đến kết luận em bé khỏe mạnh hoặc *gầy gò, da đen hoặc xanh, tóc rụng đưng, vàng hoe...* hướng người đọc đến kết luận là em bé ốm yếu.

- Tả con sông: *đỏ đục, oằn mình qua những cánh đồng hoang ...* gợi lên cuộc sống khó khăn, vất vả, đau thương... dòng sông như *dải lụa mềm, nững nịu uốn mình giữa đồng lúa chín* thể hiện cuộc sống thanh bình, ấm no.

Để học sinh làm được điều này, trong quá trình dạy học, giáo viên phải rèn luyện năng lực hiểu nghĩa từ, sắc thái nghĩa, sắc thái biểu cảm của từ cho học sinh. Chẳng hạn, hàng ngày, giáo viên có thể sử dụng các loại bài tập sau:

**Ví dụ 1:** Gạch bỏ ba từ ngữ không dùng để miêu tả màu lúa chín: *vàng xuộm, vàng khè, vàng óng, vàng tươi, vàng giòn, vàng rục, vàng uom, vàng vọt, vàng ợt, vàng như nắng mai.*

**Ví dụ 2:** Tìm những từ ngữ chỉ màu trắng dùng để tả:

a. Màu mây trời M: *trắng nõn, trắng như bông*

b. Màu của hoa M: *trắng muốt*

c. Màu của da người ốm M: *trắng bệch*

Khả năng hiểu, cảm nhận nghĩa từ quyết định khả năng lựa chọn, sử dụng từ chính xác, tinh tế.

### ***Biện pháp 3: Phát triển năng lực từ ngữ thông qua hoạt động viết đoạn, bài***

Sau giai đoạn hoàn thành dàn ý là giai đoạn tiến hành viết đoạn văn hoặc bài văn. Đây mới chính là giai đoạn học sinh phải thực sự huy động vốn từ ngữ, vốn câu của mình để diễn đạt ý tưởng đã hình thành và sắp xếp thành sản phẩm giao tiếp phù hợp với yêu cầu của đề bài. Ở giai đoạn này, thành tố năng lực từ ngữ được hình thành là *sử dụng từ ngữ trong giao tiếp*. Giáo viên cần hướng dẫn học sinh sử dụng những từ khóa từ dàn ý đã lập, diễn đạt thành câu văn, liên kết các câu thành đoạn văn. Tuy nhiên, để đảm bảo sự liên kết cả về nội dung và hình thức, tạo nên tính mạch lạc cho đoạn văn, bài văn, các từ ngữ phải được sử dụng, sắp xếp theo một “tư tưởng nhất quán” phù hợp với mục tiêu, ý đồ lập luận, biểu đạt của người viết.

Ở giai đoạn này, học sinh lại phải tiếp tục suy nghĩ lựa chọn, lược bỏ các từ khóa trong dàn ý, sử dụng thêm các từ ngữ phù hợp, sắp xếp từ thành những kiểu câu có cấu trúc phù hợp, sử dụng thêm các hư từ có giá trị lập luận, biểu đạt thái độ, tình cảm.

**Ví dụ:** - *Sáng nay, chúng em đã được đến thăm quảng trường Ba Đình lịch sử nơi Bác Hồ đã đọc bản Tuyên ngôn độc lập khai sinh nước Việt Nam dân chủ cộng hòa.*

- ***Thế là sáng nay, chúng em đã được đến thăm quảng trường Ba Đình lịch sử nơi đây.***

*Bác Hồ đã đọc bản “Tuyên ngôn độc lập” khai sinh nước Việt Nam dân chủ cộng hòa.*

So sánh hai câu văn trên ta thấy, ở câu thứ hai, học sinh biết sử dụng thêm các phương tiện từ ngữ thể hiện tình cảm, ý đồ lập luận của mình. Từ “thế là” cho người đọc biết: “đến thăm quảng trường Ba Đình” là niềm mong ước từ lâu của bạn nhỏ; từ “nơi đây” thể hiện tình cảm gần gũi, thân thương đối với “quảng trường Ba Đình lịch sử”.

Trong quá trình rèn luyện kỹ năng viết đoạn văn, bài văn, chúng ta có nhiều thuận lợi trong việc phát triển năng lực sử dụng hư từ cho học sinh. Bởi hư từ là phương tiện lập luận, liên kết không thể không sử dụng khi sản sinh văn bản viết. Điều này, giáo viên hoàn toàn không thực hiện được trong các bài *Mở rộng vốn từ theo chủ điểm*. Chẳng hạn, khi viết thư, học sinh phải sử dụng các quan hệ từ, các phụ từ, các tình thái từ để tạo sự liên kết chặt chẽ trong bài viết, thể hiện được tình cảm, thái độ dành cho người nhận thư. Bài văn viết thư có thuyết phục được tình cảm của người đọc có thành công hay không đòi hỏi phải sử dụng hợp lý các quan hệ từ khi viết thư. Các quan hệ từ thường gặp trong văn viết thư như: vì, tại vì, vả lại, hơn nữa, chẳng những... mà còn, đã ... lại...; nên, cho nên, vậy, dù thế nào, dù sao cũng... ngoài vai trò là công cụ nối kết luận cứ và kết luận còn là yếu



tổ định hướng lập luận, giúp người viết thuyết phục người đọc đi đến kết luận theo ý mình. Các phụ từ cũng là các yếu tố khi đưa vào thư sẽ làm thay đổi định hướng thuyết phục của người viết. Chẳng hạn, “đã...mới”; “mới ... thôi”, chỉ, những, là ít, là nhiều... Học sinh cần luyện tập nhiều việc sử dụng các “tác tử” nói trên khi viết thư, để giúp người đọc hiểu tâm tư, tình cảm của mình về các sự việc cụ thể, để thuyết phục người đọc đi đến đồng ý với kết luận của mình.

Trong một số trường hợp, bên cạnh yếu tố ngữ nghĩa, học sinh cần phải cân nhắc yếu tố hình thức ngữ âm của từ để câu văn có âm hưởng hài hòa, phù hợp với mạch tình cảm của đoạn bài hoặc đối tượng miêu tả, nội dung kể. Để học sinh có thể thực hiện được các yêu cầu nêu trên, ngay từ khi dạy các bài đọc hiểu, kể chuyện, giáo viên cần phải chú ý hướng dẫn học sinh học tập cách diễn đạt, cách viết của tác giả văn bản văn học.

**Ví dụ 1:** Em có nhận xét gì về cấu tạo của các câu in đậm trong đoạn văn sau? Việc sử dụng kiểu câu này giúp tác giả thể hiện tình cảm gì khi kể về Bóng?

Thực ra, lúc đầu bác Lan chỉ thấy hơi là lạ, vì con bé mới học tiểu học mà sao nó lại mê vẽ thế. **Nó vẽ như người ta thở, như người ta nhìn, như người ta nghe. Nó vẽ các nàng tiên, các cô công chúa, các chàng công tử.**

Cái Bóng rất hay vẽ, nhưng đáng chú ý nữa là nó vẽ rất giống. **Con mèo Két ra con mèo Két. Con chó Lu ra con chó Lu. Cây cau ra cây cau. Bồ Lít nó ra bồ Lít. Mẹ Phít nó cũng chẳng lẫn với ai,** cái mặt tròn như đồng xu với hai con mắt lá răm (Nguyễn, 2023).

Ở đoạn văn trên, tác giả sử dụng cấu trúc câu đơn nhiều thành phần phụ đẳng lập, vì vậy, đã tạo ra được sự liệt kê, so sánh dồn dập, qua đó bộc lộ sự ngạc nhiên, thán phục của tác giả trước niềm say mê và tài năng hội họa của bé Bóng. Ngoài ra, có thể sử dụng các bài tập dạng yêu cầu học sinh tạo lập văn bản để luyện tập sử dụng từ ngữ. Chẳng hạn, *em hãy lựa chọn các từ chỉ màu xanh để viết một đoạn văn tả khu vườn vào một buổi sáng mùa xuân.* Hoặc: *Cánh đồng lúa chín, trưa hè, thật rực rỡ. Em hãy lựa chọn những từ gợi tả màu vàng và viết một đoạn văn ngắn tả lại không gian rực rỡ này.*

**Biện pháp 4: Phát triển năng lực từ ngữ qua hoạt động chữa bài, hoàn thiện bài viết**

Giai đoạn kiểm tra, hoàn thiện bài viết là giai đoạn không thể thiếu trong quá trình sản sinh văn bản. Ở tiểu học, các kỹ năng này được rèn luyện ở tiết *Trả bài viết*. Ở tiết trả bài, học sinh được nghe các nhận xét, đánh giá của giáo viên và các bạn về bài làm của mình, trong đó, có các nhận xét, đánh giá về mặt sử dụng từ ngữ. Từ đó phát triển năng lực từ ngữ của mình qua các hoạt động: Chính xác hóa được vốn từ ngữ; Sửa lỗi kết hợp từ ngữ (ngữ pháp, ngữ nghĩa, lập luận); Sửa lỗi diễn đạt, liên kết câu, liên kết nội dung văn bản.

Để thực hiện biện pháp này hiệu quả, giáo viên cần coi trọng đúng mức nhiệm vụ chấm bài và nhận xét kỹ lưỡng, cụ thể trong bài viết của học sinh. Giáo viên cần lưu ý các tiêu chí: hiểu chính xác, tinh tế ý nghĩa của từ; kết hợp từ ngữ đúng ngữ pháp, ngữ nghĩa khi tạo câu; lựa chọn sử dụng, sắp xếp từ ngữ phù hợp mục đích biểu thị tình cảm, cảm xúc, thuyết phục người đọc; sử dụng các phương tiện liên kết phù hợp, tinh tế khi viết đoạn văn và toàn bài văn.

Ở tiết trả bài, những lỗi phổ biến về hiểu nghĩa từ và sử dụng từ ngữ sẽ được giáo viên sử dụng làm ngữ liệu để xây dựng bài tập chữa lỗi dùng từ, học sinh sẽ tham gia giải bài tập để tự khắc phục các loại lỗi của mình. Mỗi học sinh sẽ tự đọc kỹ nhận xét và sửa

chữa các lỗi sử dụng từ riêng trong bài viết của mình. Học sinh phải tự sửa lỗi dùng từ, viết lại câu, viết lại đoạn văn sử dụng từ chưa đúng hoặc chưa phù hợp về sắc thái nghĩa. Học sinh có thể viết lại nhiều đoạn hoặc toàn bài nếu thấy việc sắp xếp các từ ngữ, việc sử dụng từ ngữ, phương tiện liên kết chưa đảm bảo tính mạch lạc, thuyết phục của đoạn, bài. Như vậy, giai đoạn sửa chữa, hoàn thiện bài viết góp phần quan trọng trong việc phát triển vốn từ, chính xác hóa việc hiểu nghĩa từ, sử dụng từ có hiệu quả cao trong bài viết cho học sinh.

#### **4. Kết luận**

Phát triển năng lực từ ngữ là nhiệm vụ quan trọng trong dạy học Tiếng Việt, thực hiện mục tiêu đặc thù của môn học là phát triển năng lực ngôn ngữ cho học sinh. Xuất phát từ thành tựu nghiên cứu về phương pháp dạy tiếng Việt trong hoạt động giao tiếp, chúng tôi nghiên cứu các biện pháp phát triển năng lực từ ngữ cho học sinh lớp 4-5 thông qua quá trình luyện viết đoạn văn, bài văn - quá trình sản sinh ngôn ngữ. Bằng phương pháp nghiên cứu lý thuyết, bài viết đã đề xuất hệ thống các biện pháp phát triển năng lực từ ngữ cho học sinh thông qua các giai đoạn của quá trình luyện viết: (1) Phát triển năng lực từ ngữ qua hoạt động phân tích đoạn văn, bài văn mẫu; (2) Phát triển năng lực từ ngữ qua hoạt động tìm ý, phát triển ý; (3) Phát triển năng lực từ ngữ qua hoạt động viết đoạn, bài; (4) Phát triển năng lực từ ngữ qua hoạt động sửa chữa, hoàn thiện đoạn, bài viết. Nếu triển khai thực hiện tốt, các biện pháp này sẽ góp phần nâng cao năng lực từ ngữ của học sinh lớp 4-5 và từ đó, nâng cao năng lực viết đoạn văn, bài văn ở các thể loại khác nhau cho học sinh.

### **TÀI LIỆU THAM KHẢO**

- Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018). *Chương trình Giáo dục Phổ thông 2018 - môn Ngữ Văn*. Hà Nội.
- Chu, T. T. A., & Chu, T. H. T. (2010). *Dạy học luyện từ và câu ở tiểu học*. NXB Giáo dục Việt Nam.
- Chu, T. T. A., & Mai, T. L. (2016). Phát triển năng lực sử dụng hư từ như các phương tiện nối kết, định hướng lập luận cho học sinh lớp 5. *Tạp chí Giáo dục*, 396, tr. 35-38.
- Chu, T. T. A. (2017). Phát triển năng lực lập luận cho học sinh tiểu học khi viết văn miêu tả". *Tạp chí Giáo dục*, 402, tr. 36-41.
- Hồ, T. N. O., (2019). Xây dựng thang đo đánh giá năng lực từ vựng tiếng Việt cho học sinh người dân tộc thiểu số. *Tạp chí khoa học Trường Đại học Sư phạm Hà Nội*, 7, 83-89.
- Lê, P. N. (2009). *Phương pháp dạy học Tiếng Việt ở tiểu học 2*. NXB Đại học Sư phạm.
- Nguyễn, M. T. (Chủ biên) (2023). *Tiếng Việt 4 - Cánh Diều*. NXB Đại học Sư phạm TP. Hồ Chí Minh.
- Nguyễn, M. T. (Chủ biên) (2024). *Tiếng Việt 5 - Cánh Diều*. NXB Đại học Sư phạm TP. Hồ Chí Minh.

**ABSTRACT**

**DEVELOPING VOCABULARY SKILLS FOR STUDENTS  
IN GRADES 4-5 THROUGH THE PROCESS OF PRACTICING  
WRITING PARAGRAPH AND ESSAYS**

**Chu Thi Thuy An<sup>1,\*</sup>, Nguyen Thi Ngoc Anh<sup>1</sup>, Chu Thi Loc An<sup>2</sup>**

<sup>1</sup>*Vinh University, Nghe An, Vietnam*

<sup>2</sup>*Khanh Hoa University, Vietnam*

Received on 19/6/2024, accepted for publication on 27/7/2024

Developing vocabulary skills is a crucial task in teaching Vietnamese, fulfilling the specific objective of the subject, which is to develop students' language skills (reading, writing, listening, speaking). This task has traditionally been accomplished mainly through lessons on expanding vocabulary by topic, followed by integration into Reading, Spelling, Writing, Storytelling lessons, and other educational activities. Based on research achievements in teaching Vietnamese methods in communicative activities, we have studied measures to develop vocabulary skills for 4th and 5th-grade students through the process of writing paragraph and essays - the process of language production. Using theoretical research methods, this paper proposes a system of measures to develop vocabulary skills for students through the stages of the writing process: (1) Developing vocabulary skills through analyzing sample paragraph and essays, (2) Developing vocabulary skills through idea generation and development activities, (3) Developing vocabulary skills through writing paragraph and essays, (4) Developing vocabulary skills through the process of revising and perfecting paragraph and essays. These measures effectively apply integrated teaching perspectives in teaching Vietnamese at the elementary level.

**Keywords:** Development; vocabulary skills; paragraph writing; essay writing.